

Số: **507** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

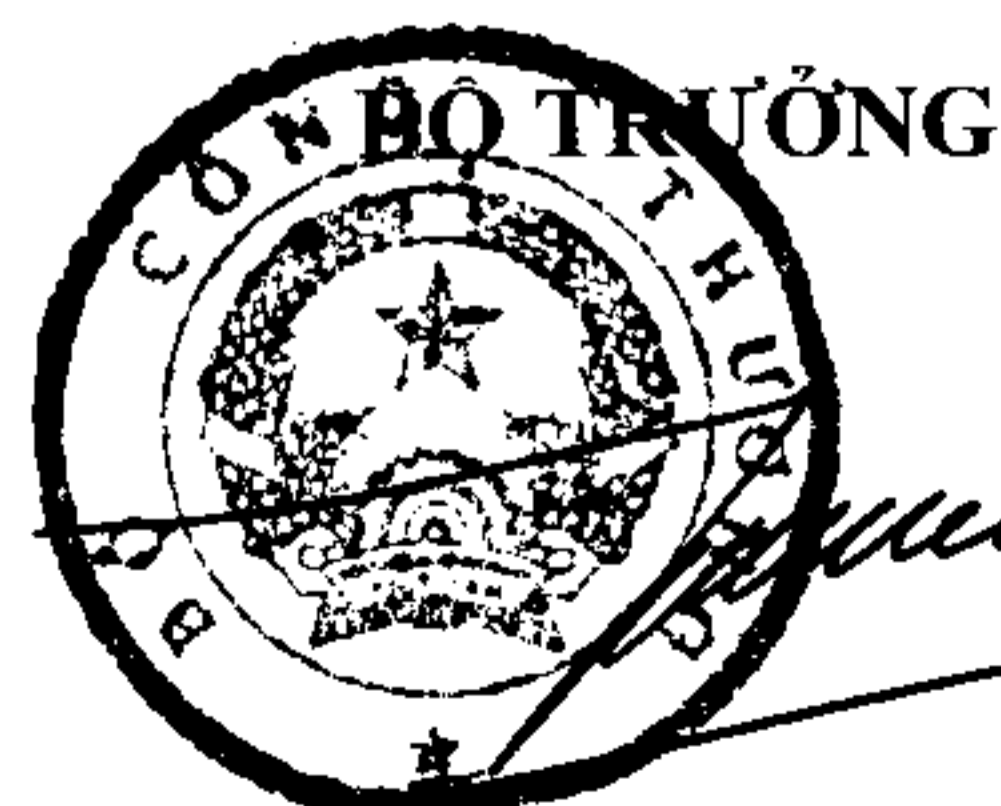
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Phát triển bền vững - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KH (2).



Trần Tuấn Anh

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 507 /QĐ-BCT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**I. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-2017/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

**1. Mục tiêu chung**

Phấn đấu cải thiện cả về điểm số và vị trí xếp hạng về môi trường kinh doanh, bao gồm: Đến hết năm 2017, các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh đạt tối thiểu bằng trung bình của nhóm nước ASEAN 4; đến hết năm 2020 đạt điểm số trung bình của nhóm nước ASEAN 45 trên các nhóm chỉ tiêu về năng lực cạnh tranh (theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới); các chỉ số Đổi mới sáng tạo (theo đánh giá của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới - WIPO) đạt trung bình ASEAN 59; thực hiện Chính phủ điện tử (theo cách tiếp cận của Liên hợp quốc).

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

*2.1. Các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh đạt tối thiểu bằng trung bình của nhóm nước ASEAN 4.*

- Bám sát tiêu chí đánh giá của Ngân hàng thế giới và Diễn đàn kinh tế thế giới; củng cố, duy trì các kết quả đạt được về môi trường kinh doanh, đồng thời phấn đấu nâng điểm trên tất cả các chỉ tiêu. Tiếp tục cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh, kiên quyết đổi mới công tác quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu theo thông lệ quốc tế.

- Đạt tối thiểu bằng trung bình của các nước ASEAN 4 trên các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, cụ thể là:

Rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục, gồm: tiếp cận điện năng không quá 35 ngày; thông quan hàng hóa qua biên giới còn 70 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, 90 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu; giải quyết tranh chấp hợp đồng tối đa 300 ngày.

- Tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi sự kinh doanh, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định, tự do sáng tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp; phấn đấu đạt mức 1 triệu doanh nghiệp vào năm 2020, trong đó tối thiểu 0,5% là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

## *2.2. Mục tiêu về thực hiện Chính phủ điện tử*

- Cải cách toàn diện cả 3 nhóm chỉ số gồm: Hạ tầng viễn thông (TII), nguồn nhân lực (HCI) và dịch vụ công trực tuyến (OSI); phấn đấu đến hết năm 2017 xếp hạng thứ 80; đến năm 2020 đạt trung bình ASEAN 515 về điểm số và thứ hạng tối thiểu thứ 70 trên thế giới.

- Phấn đấu đến hết năm 2017, hầu hết các dịch vụ công phổ biến, liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3; cho phép sử dụng thanh toán lệ phí trực tuyến, nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến hoặc gửi qua mạng (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4).

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

1. Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cải thiện các chỉ số được phân công làm đầu mối theo phụ lục I, II, III, IV, đề xuất về các chính sách, cơ chế, giải pháp, nhiệm vụ để cải thiện các chỉ số được phân công.

2. Tổng cục Năng lượng, Cục Điều tiết điện lực, Cục Xuất nhập khẩu, Cục Quản lý cạnh tranh, Vụ Pháp chế cùng các đơn vị liên quan chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế tìm hiểu rõ phương pháp, cách tính và ý nghĩa của các chỉ tiêu xếp hạng, đồng thời cung cấp thông tin để các tổ chức quốc tế có căn cứ xác thực để xếp hạng.

3. Tổng cục Năng lượng, Cục Xuất nhập khẩu, Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Hóa chất, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai các nhiệm vụ sau:

- Các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ, Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Trong quý I năm 2017, rà soát Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành tại khâu thông quan theo hướng kiểm tra ít nhất có thể, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian kiểm tra; chuyển mạnh sang hậu kiểm; rà soát, sửa đổi các quy định về tiếp nhận công bố hợp

quy đối với hàng hóa nhập khẩu theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục; hướng dẫn các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước tăng cường, chủ động thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước ngoài đối với sản phẩm, hàng hóa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cao hơn Việt Nam; tách bạch hoạt động đánh giá sự phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước theo đúng quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật liên quan theo hướng cơ quan quản lý nhà nước không cấp Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với việc kiểm tra chuyên ngành.

- Đẩy mạnh việc Chứng nhận hợp quy đối với dòng sản phẩm tại nước xuất khẩu và tăng cường hậu kiểm đối với nhóm hàng hóa nhập khẩu.

- Điện tử hóa các thủ tục (nộp hồ sơ, trả kết quả...) kiểm tra chuyên ngành; kết nối chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức quản lý, kiểm tra chuyên ngành với Cổng thông tin một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, đảm bảo rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo mục tiêu đề ra.

- Sửa đổi các quy định về phí kiểm tra chuyên ngành, minh bạch về cách tính chi phí, đối tượng trả phí và chuyển dần sang áp dụng cơ chế giá.

4. Văn phòng Bộ thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến và Chính phủ điện tử; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Vụ Pháp chế làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện:

- Tiếp tục triển khai việc xây dựng, vận hành và nâng cao hiệu quả cổng thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính; công khai kết quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị.

- Trình Quốc hội dự thảo Khung chính sách về thương mại phục vụ việc sửa đổi Luật Thương mại trước tháng 12 năm 2017.

6. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, thực hiện thuê ngoài đối với các dịch vụ liên quan đến thanh toán, chi trả; đào tạo nhân lực công nghệ thông tin

tin, ưu tiên phát triển sản phẩm, thiết bị an toàn thông tin đặc thù, chuyên biệt của Việt Nam phục vụ hoạt động chuyên ngành của Bộ Công Thương.

7. Cục Xuất nhập khẩu chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đôn đốc các bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành ban hành Danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành theo Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

8. Tổng cục Năng lượng phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả Thông tư số 24/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng; thực hiện chuẩn hóa quy trình tiếp cận điện năng cấp quốc gia theo hướng “một cửa liên thông” giữa cơ quan nhà nước và điện lực trong giải quyết các thủ tục “Thỏa thuận tuyến, vị trí cột/ thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện (bao gồm Giấy phép đào đường, vỉa hè)”.

9. Cục Quản lý cạnh tranh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện:

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo hướng bỏ một số dịch vụ ngân hàng (bao gồm thẻ ghi nợ nội địa; mở và sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán áp dụng cho khách hàng cá nhân; vay vốn cá nhân nhằm mục đích tiêu dùng) ra khỏi Danh mục nhằm cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho các tổ chức tín dụng và bảo đảm thống nhất về cơ quan quản lý nhà nước đối với việc cung ứng dịch vụ của các tổ chức tín dụng.

- Trình Quốc hội dự thảo Luật cạnh tranh (sửa đổi) trước tháng 12 năm 2017, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, kiểm soát có hiệu quả độc quyền, thống lĩnh trong kinh doanh. Phối hợp với Văn phòng Hội đồng cạnh tranh và các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời các khiếu nại đối với các vụ việc lạm dụng vị thế độc quyền, thống lĩnh, tập trung hóa kinh tế, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật cạnh tranh.

10. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để từng bước đề xuất tiêu chí nhập khẩu máy móc, thiết bị theo tuổi thiết bị (từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu) của từng lĩnh vực cụ thể, không áp dụng hạn chế chung “không quá 10 năm” cho tất cả các máy móc, thiết bị.

11. Vụ Chính sách thương mại đa biên, Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp nâng cao năng lực hội nhập

quốc tế; tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin về hội nhập quốc tế, nhất là các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, để thống nhất nhận thức và quán triệt trong thực thi; đặc biệt tuyên truyền các hoạt động của khối ASEAN và hưởng ứng năm APEC Việt Nam 2017.

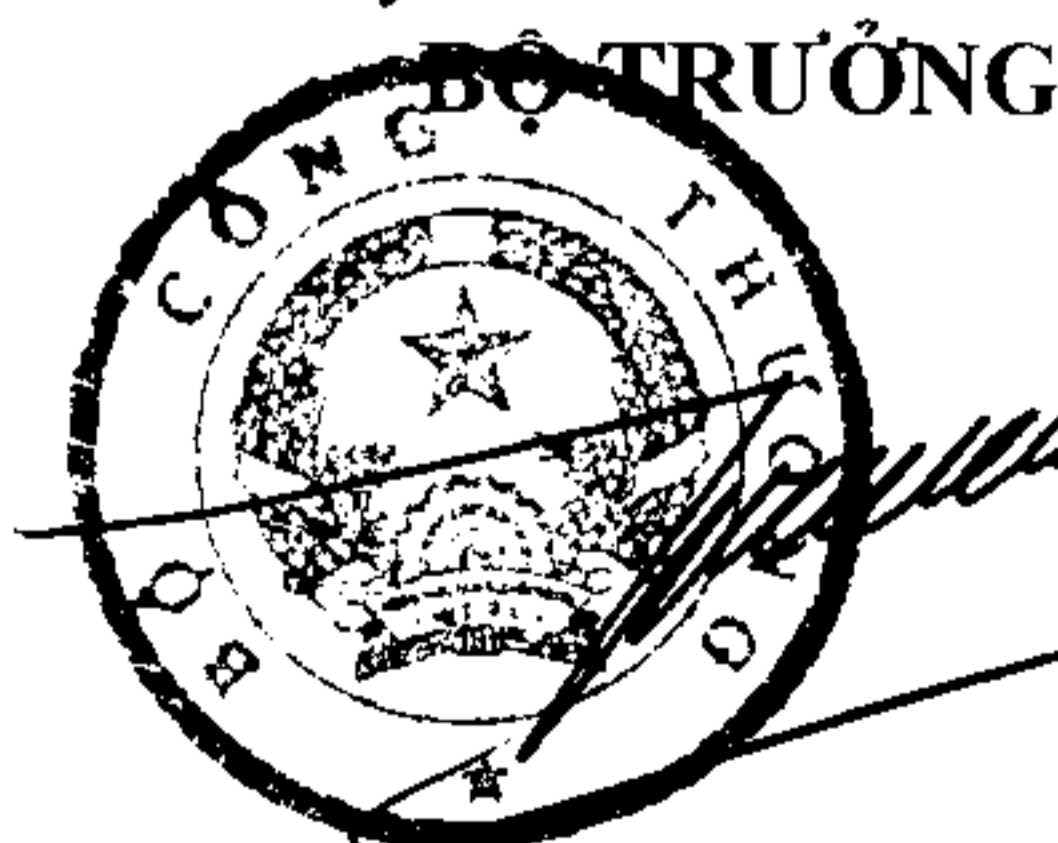
12. Các đơn vị báo chí, thông tin của Bộ bám sát những nội dung của Chương trình hành động để xây dựng các chuyên đề, chuyên mục nhằm đạt hiệu quả tuyên truyền cao nhất. Đồng thời, góp phần làm cầu nối giữa hoạt động quản lý Nhà nước của Bộ và thực tiễn tại doanh nghiệp; là diễn đàn để cộng đồng doanh nghiệp bày tỏ những ý kiến đóng góp đối với những chính sách do Bộ Công Thương ban hành.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện những nhiệm vụ và nội dung công tác thuộc lĩnh vực được giao, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng. Có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời, linh hoạt đối với những vấn đề mới phát sinh; kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp, hiệu quả.

2. Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Định kỳ hàng quý, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh gửi Vụ Kế hoạch (trước ngày 10 của các tháng 3, tháng 6, tháng 9 và trước ngày 5 tháng 12).

3. Văn phòng Bộ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tích cực tham gia phản biện, góp ý và mở diễn đàn tiếp nhận các ý kiến phản biện chính sách của doanh nghiệp và người dân. /



**Trần Tuấn Anh**

**PHỤ LỤC I**  
**CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÀN CẢI THIỆN NĂM 2017**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 507 /QĐ-BCT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ Công Thương)*

**I. Nhiệm vụ cải thiện Môi trường kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới**

| STT | Các nhiệm vụ cụ thể   | Kết quả hiện tại                     | Mục tiêu 2017                                      | Cơ quan chủ trì/ phối hợp   |
|-----|---|--------------------------------------|--|---|
| 1.  | Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian và cải thiện thứ hạng Tiếp cận điện năng | Thứ hạng: 96<br>5 thủ tục<br>46 ngày | Thứ hạng 70<br>4 Thủ tục<br>Thời gian dưới 35 ngày | Tổng cục Năng lượng<br>Cục Điều tiết điện lực<br>Tập đoàn điện lực Việt Nam |

**II. Nhiệm vụ nâng cao Năng lực cạnh tranh (theo cách tiếp cận của WEF)**

| TT | Nhiệm vụ cụ thể                          | Kết quả hiện tại |          | Mục tiêu (2017 - 2020) |          | Cơ quan chủ trì/ phối hợp                              |
|----|--|------------------|----------|------------------------|----------|--|
|    |  | Điểm             | Thứ hạng | Điểm                   | Thứ hạng |  |
| 1. | Hiệu lực của chính sách chống độc quyền  | 3,5              | 89       |                        |          | Cục Quản lý cạnh tranh / Văn phòng Hội đồng cạnh tranh |
| 2. | Mức độ phổ biến về rào cản phi thuế quan | 3,9              | 108      |                        |          | Cục Xuất nhập khẩu<br>Cục Quản lý cạnh tranh           |
| 3. | Quy mô thị trường nội địa                | 4,5              | 35       |                        |          | Vụ Thị trường trong nước                               |
| 4. | Quy mô thị trường nước ngoài             | 5,8              | 25       |                        |          | Cục Xuất nhập khẩu                                     |

**PHỤ LỤC II**  
**NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ VỀ CẢI THIỆN**  
**MÔI TRƯỜNG KINH DOANH**

(THEO CÁCH TIẾP CẬN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **507** /QĐ-BCT ngày 11 tháng 02 năm 2017 của Bộ Công Thương)

| STT        | Các nhiệm vụ cụ thể  | Kết quả hiện tại                     | Mục tiêu 2017                                       | Mục tiêu 2020          | Cơ quan chủ trì/ phối hợp   |
|------------|--|--------------------------------------|---|------------------------|---|
|            | Nhiệm vụ cải thiện Môi trường kinh doanh theo cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới   | Thứ hạng 82/190                      | Thứ hạng: 70  | Thứ hạng: 60           |   |
|            | Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian và cải thiện thứ hạng Tiếp cận điện năng  | Thứ hạng: 96<br>5 thủ tục<br>46 ngày | Thứ hạng: 70<br>4 thủ tục<br>Thời gian dưới 35 ngày | Thời gian dưới 30 ngày | Tổng cục Năng lượng chủ trì phối hợp với:<br>- Cục Điều tiết điện lực<br>- Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| 1          | Đơn giản hóa và điện tử hóa thủ tục Đăng ký cấp điện mới và đề nghị đấu nối  | 4 ngày                               |   |                        |   |
| 2          | Khảo sát cấp điện  | 1 ngày                               |   |                        |   |
| 3          | Đơn giản hóa, kết hợp thực hiện các thủ tục liên quan về Thỏa thuận tuyến, vị trí cột/ thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện (bao gồm Giấy phép đào đường, vỉa hè/ Xác nhận phù hợp quy hoạch lưới điện) | 15 ngày                              |   |                        |   |
| 4          | Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian và chi phí Thiết kế và thi công công trình điện  | 20 ngày + VND 544,000,000            |   |                        |   |
| 5          | Rút ngắn thời gian lắp đặt đồng hồ đo điện, ký kết hợp đồng mua bán điện, và đóng điện   | 7 ngày                               |   |                        |   |
| Đường chất | Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và minh bạch về giá điện (0-8 điểm)  | 3 điểm                               |   |                        |   |



**PHỤ LỤC III**  
**NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ VỀ NÂNG CAO NĂNG**  
**LỰC CẠNH TRANH**  
*(THEO CÁCH TIẾP CẬN CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI)*  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số **507/QĐ-BCT** ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ Công Thương)*

| TT | Nhiệm vụ cụ thể  | Cơ quan chủ trì/ phối hợp   |
|----|--|---|
| 1  | Hạn chế đầu tư công sai mục đích   | Vụ Kế hoạch   |
| 2  | Cải thiện lòng tin của người dân đối với các nhà lãnh đạo và tăng mức độ tin cậy đối với người quản lý | Vụ Tổ chức cán bộ   |
| 3  | Công khai, minh bạch, nghiêm cấm gây phiền hà, nhũng nhiễu và nhận hối lộ                              | Vụ Tổ chức cán bộ<br>Thanh tra Bộ   |
| 4  | Công khai, minh bạch các quyết định hành chính   | Vụ Pháp chế<br>Văn phòng Bộ   |
| 5  | Thực hiện chống lãng phí   | Vụ Tài chính<br>Văn phòng Bộ  |
| 6  | Giảm thiểu gánh nặng về quy định, thủ tục  | Vụ Pháp chế   |
| 7  | Xử lý, giải quyết tranh chấp giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước                 | Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp Vụ Pháp chế                                  |
| 8  | Đảm bảo minh bạch trong hoạch định chính sách của chính phủ  | Vụ Pháp chế   |
| 9  | Nâng cao đạo đức doanh nghiệp  | Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp                                      |
| 10 | Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng điện và hạ tầng thương mại   | Tổng cục Năng lượng, Vụ thị trường trong nước                               |
| 11 | Nâng cao chất lượng cung ứng điện năng   | Tổng cục Năng lượng<br>Cục Điều tiết điện lực<br>Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| 12 | Lạm phát (% thay đổi hàng năm)   | Vụ Thị trường trong nước  |
| 13 | Cải thiện Xếp hạng tín nhiệm quốc gia 0-100 (tốt nhất)   | Văn phòng Bộ  |
| 14 | Đảm bảo hiệu quả và chất lượng đào tạo cán bộ  | Vụ Tổ chức cán bộ   |
| 15 | Mức độ cạnh tranh ở địa phương   | Cục Công nghiệp địa phương  |
| 16 | Mức độ chi phối thị trường   | Cục Quản lý cạnh tranh  |
| 17 | Hiệu lực của chính sách chống độc quyền  | Cục Quản lý cạnh tranh  |
| 18 | Mức độ phổ biến về hàng rào phi thuế quan  | Cục Xuất nhập khẩu  |
| 19 | Mức độ định hướng khách hàng   | Cục Quản lý cạnh tranh  |
| 20 | Mức độ tinh thông của người mua  | Cục Quản lý cạnh tranh  |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 21 | Tăng khả năng giữ chân người tài  | Vụ Tổ chức cán bộ   |
| 22 | Tăng khả năng thu hút nhân tài  | Vụ Tổ chức cán bộ   |
| 23 | Tỷ lệ nữ trong lực lượng lao động (tỷ lệ so với nam giới)                               | Vụ Tổ chức cán bộ   |
| 24 | Mức độ sẵn có về công nghệ hiện đại   | Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin   |
| 25 | Mức độ thu hút công nghệ mới ở cấp độ doanh nghiệp                                      | Vụ Khoa học và Công nghệ  |
| 26 | FDI và tác động tới chuyển giao công nghệ   | Vụ Khoa học và công nghệ  |
| 27 | Quy mô thị trường nội địa   | Vụ Thị trường trong nước  |
| 28 | Quy mô thị trường nước ngoài  | Cục Xuất nhập khẩu  |
| 29 | GDP (theo PPP) (tỷ đô la Mỹ)  | Vụ Kế hoạch   |
| 30 | Giá trị xuất khẩu (%GDP)  | Cục Xuất nhập khẩu  |
| 31 | Số lượng doanh nghiệp cung ứng trong nước   | Vụ Công nghiệp nặng, Vụ Công nghiệp nhẹ, Tổng cục Năng lượng, Cục Hóa chất, Vụ Thị trường trong nước. |
| 32 | Chất lượng doanh nghiệp cung ứng trong nước   | Vụ Công nghiệp nặng, Vụ Công nghiệp nhẹ, Tổng cục Năng lượng, Cục Hóa chất, Vụ Thị trường trong nước. |
| 33 | Mức độ phát triển cụm liên kết ngành  | Cục Công nghiệp địa phương  |
| 34 | Đặc điểm về lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp   | Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.   |
| 35 | Mức độ tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất  | Vụ Thị trường trong nước, Vụ Công nghiệp nặng, Vụ Công nghiệp nhẹ                                     |
| 36 | Mức độ các doanh nghiệp trong nước kiểm soát phân phối sản phẩm trên thị trường quốc tế | Cục Xuất nhập khẩu  |
| 37 | Mức độ tinh vi của quy trình sản xuất   | Vụ Công nghiệp nặng, Vụ công nghiệp nhẹ   |
| 38 | Mức độ thành công của hoạt động tiếp thị  | Cục Xúc tiến thương mại, Vụ Thị trường trong nước   |
| 39 | Mua sắm của chính phủ về các sản phẩm công nghệ tiên tiến                               | Vụ Chính sách Thương mại Đa biên và Vụ Khoa học và Công nghệ  |

**PHỤ LỤC IV**  
**NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC**  
**ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 507 /QĐ-BCT ngày 14 tháng 02 năm 2017  
của Bộ Công Thương)*

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ cụ thể</b>                           | <b>Cơ quan chủ trì/ phối hợp</b>                  |
|-----------|--|---|
| 1         | Dịch vụ trực tuyến của chính phủ                 | Văn phòng Bộ                                      |
| 2         | Mức tham gia trực tuyến (online e-participation) | Văn phòng Bộ                                      |
| 3         | Sản lượng điện, kWh/đầu người                    | Tổng cục Năng lượng<br>Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| 4         | GDP/đơn vị năng lượng sử dụng                    | Tổng cục Năng lượng                               |
| 5         | Kết quả về môi trường                            | Cục Kỹ thuật An toàn và<br>Môi trường Công nghiệp |